

Số: 1583 /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 03 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 về phát triển
KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH - HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường
định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chương trình hành động của BCH Đảng bộ tỉnh Khóa XV thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của BCH Đảng bộ tỉnh Khóa XV thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH - HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

Điều 2. Giao Sở KH&CN phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch này và định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cho UBND tỉnh biết, chỉ đạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, CN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Cường
Nguyễn Đức Cường

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1583 /QĐ-UBND ngày 08/9/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị)

A. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN 2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực KH&CN của tỉnh để làm nền tảng vững chắc và động lực góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh sản xuất và thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh; đổi mới tổ chức và hoạt động KH&CN phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, có chất lượng và tính hiệu quả cao; phấn đấu xây dựng KH&CN Quảng Trị đạt trình độ trung bình tiên tiến so với các địa phương khác trong cả nước vào năm 2020, tiên tiến vào năm 2030.

2. Các mục tiêu cụ thể

- Cung cấp cơ sở khoa học về điều kiện tự nhiên-tài nguyên thiên nhiên, môi trường, văn hóa, xã hội phục vụ cho việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá-hiện đại hoá của tỉnh

- Tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong các ngành kinh tế của tỉnh. Nâng cao tỷ trọng đóng góp của KH&CN trong tăng trưởng kinh tế thông qua đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Phấn đấu đạt 70-80% các đề tài nghiên cứu ứng dụng thành công từng bước được nhân rộng vào thực tế sản xuất và đời sống.

- Nâng cao năng suất giá trị sản phẩm nông - lâm - thủy sản, phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực có tiềm năng của tỉnh, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, dịch vụ nhằm thu hút đầu tư.

- Nâng cao trình độ công nghệ của toàn bộ các ngành kinh tế. Xây dựng các khu công nghệ, kỹ thuật cao theo mô hình thích hợp với Quảng Trị để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp CNH - HĐH.

- Phát triển mạnh mẽ thị trường công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng tiềm lực KH&CN có đủ khả năng thực hiện và thu hút nguồn lực bên ngoài thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 và tích cực chuẩn bị cho sự phát triển KH&CN của giai đoạn tiếp theo:

- Phát triển nguồn nhân lực KH&CN có chất lượng, có cơ cấu trình độ, chuyên môn hợp lý. Phần đầu nguồn nhân lực KH&CN (có trình độ từ đại học trở lên) đến năm 2015 chiếm 3,2% so với tổng lao động và đến năm 2020 chiếm 4,1% so với tổng lao động của tỉnh. Hình thành đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trình độ cao, đủ sức tổ chức, hợp tác nghiên cứu và giải quyết những nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh.

- Phần đầu đạt và duy trì mức đầu tư kinh phí sự nghiệp và đầu tư phát triển KH&CN đạt ít nhất 2% tổng chi ngân sách địa phương vào năm 2013 và tăng dần qua các năm. Phần đầu đưa mức đầu tư của toàn xã hội cho KH&CN đạt 1,0% GDP vào năm 2015, 1,5% GDP vào năm 2020, 2,0% GDP vào năm 2030.

- Phát triển hệ thống các tổ chức KH&CN trên địa bàn đủ năng lực giải quyết các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm của tỉnh và có khả năng phối hợp với các địa phương khác giải quyết những vấn đề của Vùng. Phần đầu xây dựng hệ thống các tổ chức nghiên cứu, triển khai, dịch vụ KH&CN của Quảng Trị đạt trình độ trung bình tiên tiến so với cả nước. Coi trọng nguồn lực "thông tin KH&CN" và công nghệ thông tin. Xây dựng một số cơ sở trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN ở Quảng Trị để tranh thủ vị trí của tỉnh trên hành lang kinh tế Đông - Tây.

- Tạo được bước chuyển biến cơ bản trong đổi mới quản lý KH&CN theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường định hướng XHCN, với yêu cầu hội nhập quốc tế và gắn kết chặt chẽ giữa KH&CN với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

2.1 Khoa học xã hội và nhân văn

a) Nghiên cứu lý luận và thực tiễn đảm bảo cung cấp luận cứ khoa học giúp cho Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh hoạch định các chủ trương, chính sách, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng; triển khai và cụ thể hóa các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Nghiên cứu bảo tồn bản sắc văn hoá của các cộng đồng dân cư trên địa bàn kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong quá trình CNH-HĐH của tỉnh; làm sáng tỏ truyền thống mảnh đất, con người Quảng Trị trong quá trình đấu tranh giữ nước, xây dựng và phát triển đất nước, quê hương.

2.2 Khoa học tự nhiên

a) Tiếp tục bổ sung công tác điều tra cơ bản đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Nghiên cứu quy luật và tác động của các hiện tượng tự nhiên ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Nghiên cứu bản chất, quy luật của tự nhiên và những tác động của chúng đến đời sống kinh tế - xã hội, từng bước nắm rõ quy luật, cơ chế hình thành và phát triển một số dạng thiên tai, tai biến địa chất nguy hiểm thường xảy ra ở địa phương làm cơ sở cho dự báo các biến động của tự nhiên để phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, phục vụ sản xuất kinh doanh, an ninh quốc phòng và đời sống xã hội.

2.3 Nhiệm vụ trong một số lĩnh vực công nghệ chủ yếu

a) Công nghệ sinh học

Nghiên cứu, lựa chọn và ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất, nhân nhanh các giống cây trồng, vật nuôi có thể mạnh của tỉnh; trong chế biến và bảo quản thực phẩm; xử lý chất thải nông nghiệp, công nghiệp và thủy sản; bảo tồn và phát triển các loài dược liệu quý; các giống cây trồng, vật nuôi mới và công nghệ sau thu hoạch phù hợp điều kiện sinh thái của địa phương.

Thu hút, tập trung nguồn lực, đa dạng hóa hình thức đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư và nâng cao năng lực tiếp nhận và làm chủ công nghệ sinh học. Nghiên cứu định hướng ứng dụng nhằm tạo tiền đề hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học trên địa bàn tỉnh.

b) Công nghệ thông tin truyền thông

Xây dựng cơ sở phát triển công nghiệp phần mềm, từng bước đáp ứng nhu cầu phần mềm trên địa bàn.

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin để đạt chỉ tiêu trên 90% số thuê bao Internet là băng rộng, 100% huyện và các cơ quan từ cấp huyện trở lên trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến xã có mạng LAN, có hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành; trên 80% các trường từ THCS, các cơ sở y tế đều có mạng LAN và kết nối Internet. Ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước và trong doanh nghiệp,

c) Công nghệ chế biến Nông- Lâm- Thủy sản sau thu hoạch

Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ sau thu hoạch từ khâu bảo quản, sơ chế và chế biến các sản phẩm cho ngành nông nghiệp của tỉnh; hiện đại hóa hệ thống kiểm tra chất lượng nông sản, thực phẩm chế biến theo công nghệ tương hợp với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong nước.

d) Công nghệ cơ khí, tự động hóa

Lựa chọn, đưa vào ứng dụng các loại máy móc, thiết bị cơ giới phục vụ một số khâu trong sản xuất nông nghiệp; bảo quản và chế biến lương thực thực phẩm, chế biến thức ăn gia súc.

Phát triển các loại công cụ cơ khí phục vụ sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp, phục vụ phát triển làng nghề thủ công; hiện đại hoá từng bước các công đoạn trong dây chuyền sản xuất. Đổi mới công nghệ theo hướng cơ giới hoá và tự động hoá quá trình điều khiển, định lượng đo lường, kiểm tra chất lượng trong các ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh.

đ) Năng lượng mới

Nghiên cứu quy hoạch, phát triển ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo nhằm phục vụ nhu cầu điện cho các xã vùng sâu, vùng xa, các trang trại vùng gò đồi, vùng cát xa khu dân cư và huyện đảo Côn Cỏ. Khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống; thực hiện cải thiện môi trường và tiết kiệm điện.

2.4 Nhiệm vụ phát triển KH&CN trong các ngành, địa phương và các vùng miền.

a) Nông - Lâm- Ngư nghiệp

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong tất cả các khâu: giống, sản xuất, thu hoạch, sau thu hoạch; đặc biệt chú trọng vào cây lúa, cà phê, cao su, hồ tiêu, lạc, chăn nuôi đại gia súc, nuôi trồng thủy sản. Ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao, đưa vào đại trà để tạo ra vùng sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế.

Áp dụng công nghệ mới trong công tác thú y và bảo vệ thực vật; các tiến bộ kỹ thuật vào khai thác, tái tạo và bảo vệ các nguồn lợi thủy sản; phát triển và khai thác các công trình thủy lợi. Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng rừng và phát triển các loại rừng một cách bền vững; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến phát triển nông nghiệp và các biện pháp phòng chống; thị trường giải quyết đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp.

- Nghiên cứu các mô hình sản xuất kết hợp Nông - Lâm - Ngư theo quy mô trang trại phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng, chú trọng khai thác vùng gò đồi và vùng cát. Xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở một số địa bàn của tỉnh.

b) Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu KH&CN, các tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp thuộc thế mạnh và sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống của tỉnh, chú ý công nghệ phổ thông phục vụ nông nghiệp nông thôn, các công nghệ tiên tiến, hiện đại phục vụ sản xuất, chế biến nông - lâm - thủy hải sản, phục vụ phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường như công nghệ thông tin, điện tử, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học...

Ưu tiên ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất, xử lý môi trường ở Khu kinh tế, các khu công nghiệp của tỉnh; áp dụng công nghệ tiên tiến để sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu trong các lĩnh vực chế biến nông sản, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng.

c) Xây dựng và giao thông vận tải

Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, kiến trúc, quy hoạch và xây dựng; kết hợp giữa kiến trúc hiện đại và kiến trúc truyền thống, giữ gìn bản sắc dân tộc; nghiên cứu các mô hình kiến trúc phù hợp cho các vùng miền trong tỉnh, chú trọng ứng dụng công nghệ sạch và tiết kiệm sử dụng năng lượng trong công trình.

Đổi mới công nghệ, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nâng cao chất lượng các sản phẩm vật liệu xây dựng thuộc thế mạnh ưu tiên của tỉnh.

Áp dụng và làm chủ công nghệ mới trong thi công như: móng sâu (cọc nhồi, tường barrette, tầng hầm...), bê tông cốt thép ứng lực trước, kết cấu thép không gian, công nghệ xây nhà cho các vùng bão lụt, vùng sâu, vùng xa.

d) Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, tiên tiến trong y tế nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chú trọng công tác khám chữa bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Áp dụng tiến bộ KH&CN vào trồng và chế biến dược liệu, ứng dụng vắc-xin sinh phẩm trong bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

đ) Giáo dục đào tạo

Nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với nội dung và chương trình đào tạo mới theo chủ trương chung của nhà nước; các dụng cụ phục vụ việc biên soạn các giáo trình gắn với đặc thù của địa phương; về quan hệ cung - cầu lao động kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và áp dụng các phương thức gắn kết giữa đào tạo - nghiên cứu - sản xuất.

e) Tài nguyên- môi trường

Điều tra, khảo sát đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường, cung cấp luận cứ khoa học cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến, phù hợp trong xử lý chất thải ở khu vực thành thị và nông thôn; các biện pháp bảo vệ môi trường tại các lưu vực các sông, các đập chứa nước trên địa bàn. Dự báo và tìm các giải pháp phòng ngừa, xử lý các sự cố từ môi trường tự nhiên (bão, lũ lụt, sạt lún...) ở các vùng đồng bằng ven biển, vùng đường Hồ Chí Minh đi qua tỉnh, vùng Casto Cam Lộ.

f) Văn hoá, thể thao và du lịch

Nghiên cứu bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá của các cộng đồng dân tộc, bảo tồn các di tích lịch sử và văn hóa trên địa bàn Quảng Trị; phương thức đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, cơ quan văn hóa và hoàn chỉnh các thiết chế văn hoá cơ sở. Áp dụng KH&CN hiện đại trong công tác huấn luyện thể dục, thể thao. Nghiên cứu đa dạng hoá các loại hình du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ; ứng dụng các thành tựu KH&CN nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, tạo sản phẩm du lịch mới.

i) Thương mại, dịch vụ

Nghiên cứu dự báo về xu thế phát triển của các thị trường có liên quan tới sản phẩm của tỉnh; các giải pháp tiêu thụ các sản phẩm của tỉnh. Nâng cao chất lượng thương mại dịch vụ, đa dạng hóa hình thức kinh doanh, tập trung vào Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, thành phố Đông Hà, Khu kinh tế Cửa khẩu La Lay. Phát triển thương mại điện tử nhằm tạo điều kiện cho việc thiết lập và củng cố mối quan hệ giữa các thành phần tham gia vào quá trình thương mại. Phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng đa dạng, đa tiện ích, cung cấp các dịch vụ ngân hàng, tài chính hiện đại, có hàm lượng công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập.

k) Khoa học và công nghệ phục vụ hội nhập

Nghiên cứu các giải pháp, chính sách nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng hội nhập của các doanh nghiệp, ưu tiên các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa xuất khẩu và chủ yếu của tỉnh, trên cơ sở ứng dụng các thành tựu KH&CN, đổi mới công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; xác lập, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ, khai thác thông tin tư liệu KH&CN.

Nghiên cứu thúc đẩy liên kết hợp tác giữa Doanh nghiệp - Nhà nước - Tổ chức khoa học nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, các thành tựu KH&CN vào sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

l) Khoa học và công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh

Nghiên cứu các giải pháp KH&CN nhằm nâng cao chất lượng quản lý và đảm bảo trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Nghiên cứu các mô hình kết hợp giữa xây dựng và bảo vệ tổ quốc, phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong bối cảnh hội nhập.

2.5 Nhiệm vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ

Tập trung phát triển hệ thống chuẩn, thiết bị đo lường của tỉnh trên các lĩnh vực: khối lượng, dung tích-lưu lượng, điện, lực-độ cứng, nhiệt, áp suất, thử nghiệm hoá sinh, cơ lý. Đẩy mạnh hoạt động sở hữu trí tuệ và quản lý chất lượng trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên vào các sản phẩm đặc thù của tỉnh. Xây dựng bản đồ kỹ thuật số phục vụ quản lý các cơ sở bức xạ ion hoá, phóng xạ môi trường.

2.6 Nhiệm vụ quy hoạch mạng lưới KH&CN do tỉnh quản lý

Củng cố và nâng cấp các trung tâm, đơn vị sự nghiệp KH&CN hiện có; thành lập một số trung tâm, đơn vị sự nghiệp KH&CN thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Ứng dụng và phát triển năng lượng mới; Trung tâm phát triển công nghệ sinh học; Trung tâm kiểm tra chất lượng hàng hóa tại Khu Kinh tế-Thương mại đặc biệt Lao Bảo; Trung tâm Đào tạo và chuyên gia KH&CN vùng Bắc Trung Bộ của tỉnh, thu hút nguồn nhân lực KH&CN, chủ động liên kết và liên kết có hiệu quả với các cơ quan KH&CN bên ngoài.

Nghiên cứu xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phát triển mạng lưới các tổ chức tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Mở rộng mạng lưới phổ cập tri thức KH&CN đến mọi tầng lớp nhân dân. Phát triển các tổ chức quần chúng, hội nghề nghiệp tham gia hoạt động KH&CN. Phát triển nguồn nhân lực KH&CN; chú trọng thu hút nguồn nhân lực KH&CN bên ngoài vào tham gia hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh.

3. Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

3.1 Phát triển nguồn nhân lực KH&CN

Triển khai xây dựng và thực hiện chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực KH&CN của tỉnh. Ban hành chính sách thu hút, trọng dụng và trọng đãi đội ngũ trí thức KH&CN theo quy định của pháp luật. Xây dựng quy hoạch, đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ trí thức KH&CN. Xây dựng chính sách khuyến khích cán bộ KH&CN làm việc ở vùng nông thôn và những vùng có điều kiện khó khăn. Khen thưởng, đãi ngộ xứng đáng đối với tập thể và cá nhân có công hiến. Hình thành Giải thưởng KH&CN của tỉnh để tôn vinh các cán bộ KH&CN có đóng góp lớn cho sự phát triển của tỉnh.

Tập trung xây dựng một số tổ chức KH&CN và cơ sở hạ tầng đạt trình độ trung bình tiên tiến trong khu vực cho một số hướng KH&CN trọng điểm.

Nâng cấp hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp - dạy nghề và các tổ chức KH&CN của tỉnh quản lý, chú trọng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH. Điều chỉnh cơ cấu đào tạo theo hướng tăng đào tạo công nhân kỹ thuật, trung cấp kỹ thuật và cao đẳng kỹ thuật, chú trọng các ngành có khả năng thu hút đầu tư nước ngoài, thuộc diện ưu tiên phát triển KT-XH và các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh.

Đẩy mạnh việc gửi cán bộ, học sinh, sinh viên ưu tú của địa phương đi đào tạo ở các cơ sở nước ngoài có trình độ KH&CN tiên tiến, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao và các lĩnh vực thuộc lợi thế ưu tiên của tỉnh có cam kết thời gian phục vụ tối thiểu cho tỉnh sau khi tốt nghiệp.

Thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định của pháp luật để các trường đại học ở các tỉnh, thành phố lớn mở các phân hiệu đại học hoặc cơ sở đào tạo tại địa phương, nhất là những ngành thuộc lợi thế của tỉnh.

Thực hiện xã hội hoá đào tạo cán bộ KH&CN; kêu gọi Việt kiều chuyên gia tri thức, chuyên gia công nghệ về quê hương. Làm tốt công tác hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.

3.2 Xây dựng một số cơ sở hạ tầng hiện đại theo hướng các chương trình KH&CN trọng điểm của tỉnh. Xây dựng một số phòng thí nghiệm được công nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đạt trình độ tương đương với khu vực và quốc tế. Phát triển cơ sở hạ tầng hệ thống thông tin tư liệu về KH&CN.

3.3 Đẩy mạnh phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

3.4 Huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính cho phát triển tiềm lực KH&CN.

4. Xây dựng và phát triển thị trường công nghệ

- Đẩy mạnh đổi mới cơ chế và chính sách kinh tế - xã hội nhằm tạo nhu cầu ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống

- Tạo lập môi trường pháp lý cho hoạt động của thị trường KH&CN. Khuyến khích kinh doanh các dịch vụ môi giới về thị trường công nghệ.

- Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại hoá của các sản phẩm KH&CN.

- Xây dựng hệ thống các giải pháp để hỗ trợ phát triển thị trường các sản phẩm chủ yếu của địa phương, ngăn chặn nhập khẩu các sản phẩm, công nghệ lạc hậu.

- Tăng cường bảo vệ quyền sở hữu tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và thương mại hóa sản phẩm.

- Khuyến khích thành lập tổ chức chuyên giao công nghệ.

- Xây dựng trang thông tin điện tử về sản giao dịch công nghệ và thiết bị nhằm hỗ trợ cho việc mua bán công nghệ, thiết bị thương xuyên của doanh nghiệp.

5. Hợp tác khoa học và công nghệ

- Tăng cường mở rộng liên kết, quan hệ hợp tác KH&CN gắn với hợp tác về kinh tế với bên ngoài nhằm tranh thủ thu hút các nguồn lực trong nước và quốc tế

đề phát triển KH&CN, nguồn lực KH&CN, tiếp thu công nghệ mới, công nghệ cao và các thành tựu KH&CN tiên tiến, hiện đại, những kinh nghiệm hữu ích nhằm từng bước nâng cao năng lực KH&CN, cụ thể:

+ Xây dựng các chương trình hợp tác KH&CN với các tỉnh, thành phố nhằm phối hợp giải quyết các vấn đề chung và phát huy lợi thế của mỗi bên.

+ Hợp tác tổ chức chợ, chợ ảo và sân giao dịch thiết bị và công nghệ.

+ Hợp tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực: Công nghệ thông tin; công nghệ sinh học; công nghệ sản xuất vật liệu, công nghệ chế biến nông sản - lâm - thủy hải sản và các lĩnh vực thuộc lợi thế và tiềm năng của tỉnh.

+ Hợp tác triển khai thí điểm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

+ Hợp tác với các tỉnh Salavan, Savannakhet của CHDCN Lào; các tỉnh Đông Bắc Thái Lan trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và biên giới quốc gia...

- Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích cán bộ KH&CN tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế ở trong và ngoài nước, tham gia nghiên cứu khoa học và giảng dạy ở nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế. Triển khai các chương trình hợp tác nghiên cứu, chia sẻ thông tin KH&CN.

- Có cơ chế cho phép các cơ sở sản xuất - kinh doanh, tổ chức khoa học và công nghệ, trường học hợp đồng, tuyển dụng hoặc hợp tác nghiên cứu với các chuyên gia giỏi trong và ngoài nước, trên nguyên tắc tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

- Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi về đầu tư, đất đai, cơ sở hạ tầng, thủ tục hành chính... để tạo đột phá trong thu hút các chuyên gia, nhà khoa học và công nghệ trong và ngoài nước tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đổi mới, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước đối với hoạt động KH&CN

Nâng cao nhận thức và hành động của các cấp ủy Đảng và chính quyền về vai trò, vị trí quan trọng của KH&CN trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; xác định phát triển KH&CN là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, then chốt của tất cả các cấp ủy Đảng và chính quyền.

Người đứng đầu cấp ủy Đảng và chính quyền chịu trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện làm tốt công tác tư tưởng để toàn xã hội hiểu đúng và đề cao vai trò quốc sách hàng đầu của KH&CN trong chiến lược phát triển, là chìa khóa phát triển bền vững; kiện toàn và nâng cao quyền hạn của các tổ chức Đảng và Nhà nước trong lãnh đạo phát triển KH&CN; chỉ đạo xây dựng, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách đã ban hành. Tập trung và huy động mọi nguồn lực cho phát triển KH&CN; đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và phát huy tài năng đội ngũ cán bộ KH&CN, tôn vinh cán bộ KH&CN có năng lực và phẩm chất tốt, xây dựng các điển hình tiên tiến; nâng cao năng lực đổi mới công nghệ, trong đó đặt vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong quá trình đổi

mới công nghệ; đổi mới và áp dụng phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức và điều hành phù hợp trong quản lý, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; không áp dụng máy móc phương thức quản lý hành chính nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ mới, kỹ thuật tiên bộ vào sản xuất và đời sống.

Các cấp ủy Đảng có trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra việc thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước và phát triển KH&CN thành các chính sách, chế độ, quy định cụ thể, thiết thực và hiệu quả, đồng thời chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ

2.1 Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ

Đổi mới công tác lập kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm khoa học và công nghệ cuối cùng theo kết quả đầu ra. Xây dựng cơ chế đặc thù trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Thực hiện dân chủ và công khai rộng rãi trong việc đề xuất nhiệm vụ KH&CN, tuyển chọn đơn vị, cá nhân nhà khoa học làm chủ trì và chủ nhiệm các đề tài, dự án KH&CN nhằm thu hút được các nguồn lực, tri tuệ của các đơn vị, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN của tỉnh. Hình thành cơ chế đánh giá độc lập, tự vấn, phản biện, giám định xã hội đối với các hoạt động khoa học và công nghệ.

Ban hành cơ chế, chính sách thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại; hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, mua thiết kế, thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực ưu tiên, doanh nghiệp mua công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước. Nhà nước chủ động mua kết quả khoa học và công nghệ trong trường hợp có nhu cầu. Châm dút và ngăn chặn có hiệu quả việc nhập công nghệ lạc hậu, công nghệ gây nguy hại đến sức khỏe con người, tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Huy động mạnh mẽ nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Phấn đấu đưa mức đầu tư của toàn xã hội cho KH&CN đạt 1,0% GDP vào năm 2015, 1,5% GDP vào năm 2020, 2,0 % GDP vào năm 2030. Tăng đầu tư của Nhà nước cho khoa học và công nghệ bảo đảm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm của tỉnh. Có cơ chế sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ.

Nghiên cứu ban hành quy định về việc doanh nghiệp lập và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Đầu tư kinh phí để hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới và phát triển công nghệ, hỗ trợ nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Ưu tiên sử dụng Quỹ phát triển KH&CN, cơ chế khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp về KH&CN của nhà nước, của tỉnh để nhân rộng các tiến bộ KH&CN. Đẩy mạnh phong trào thi đua ứng dụng khoa học và công nghệ. Tuyên truyền, phổ biến những tiến bộ khoa học và công nghệ, các kết quả đề tài ứng dụng KH&CN được khẳng định đến tận cơ sở và người sản xuất.

2.2 Đổi mới hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ

Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ của tỉnh, bảo đảm hoạt động có hiệu quả, phù hợp với các mục tiêu và định hướng nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ trong từng giai đoạn. Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Thành lập một số trung tâm, đơn vị sự nghiệp KH&CN thuộc Sở Khoa học và Công nghệ để giữ vai trò hạt nhân trong hệ thống KH&CN của tỉnh, thu hút nguồn nhân lực KH&CN, chủ động liên kết và liên kết có hiệu quả với các cơ quan KH&CN bên ngoài.

Khuyến khích và hỗ trợ phát triển các tổ chức hoạt động dịch vụ KH&CN thuộc mọi thành phần kinh tế trong xã hội.

2.3 Đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ

Hoàn thành việc chuyển các tổ chức khoa học và công nghệ công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Giao quyền tự chủ cho các tổ chức khoa học và công nghệ trong việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao thông qua tuyển chọn cạnh tranh.

Nâng cao quyền hạn, trách nhiệm người đứng đầu các tổ chức khoa học và công nghệ trong tổ chức, điều hành hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ.

Thực hiện việc đánh giá độc lập kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; tiến tới việc áp dụng chính sách đầu tư cho tổ chức khoa học và công nghệ dựa vào hiệu quả hoạt động và kết quả đầu ra.

Tăng cường mối quan hệ liên kết, phối hợp giữa các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh (các tổ chức KH&CN, đào tạo, khuyến nông, khuyến lâm, ...) và giữa tổ chức KH&CN với doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực.

Giao quyền sở hữu các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đồng thời có cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa Nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả.

2.4 Đổi mới quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ chế, chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ

Quy hoạch phát triển nhân lực khoa học và công nghệ phải gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ.

Đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng nhân lực KH&CN; tăng cường đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ cả về số lượng và trình độ chuyên môn. Các ngành, các cấp xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ KH&CN hiện có và xem đây là giải pháp quan trọng để phát triển nguồn nhân lực về KH&CN của tỉnh. Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia giỏi, có nhiều đóng góp. Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa học và công nghệ phát triển bằng tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo của mình. Nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất của cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở các cấp, các ngành, các địa phương.

Coi trọng công tác quy hoạch đào tạo cán bộ KH&CN. Có kế hoạch, lộ trình cụ thể cho công tác đào tạo. Điều chỉnh cơ cấu đào tạo theo hướng tăng đào tạo công nhân kỹ thuật có trình độ cao, trung cấp kỹ thuật và cao đẳng kỹ thuật, chú trọng các ngành có khả năng thu hút đầu tư nước ngoài, thuộc diện ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội và các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh. Quan tâm đào tạo kỹ thuật, tay nghề cho lao động trong nông nghiệp, nông thôn, đào tạo nông dân trở thành chuyên gia, đào tạo lực lượng lao động trẻ làm nòng cốt trong ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, đặc biệt là ở các vùng miền núi, ven biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đa dạng hóa các hình thức đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH&CN. Coi trọng các hình thức liên kết đào tạo giữa các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, các trường đại học và cao đẳng với các doanh nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề...

Tích cực phối hợp và cộng tác chặt chẽ với các nhà khoa học, các viện nghiên cứu, các trường đại học trong và ngoài nước trong việc giải quyết những vấn đề thực tế sản xuất ở tỉnh và trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

Tích cực, chủ động phối hợp với các chương trình đào tạo của quốc gia để phát triển nguồn nhân lực KH&CN của tỉnh.

Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học và công nghệ. Có chính sách tiếp tục sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao đã hết tuổi lao động có tâm huyết và còn sức khoẻ làm việc vào công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

2.5 Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN ở địa phương và tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức quản lý nhà nước về KH&CN phù hợp với đặc thù của tỉnh. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn.

Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước về KH&CN nhằm nâng cao tính chủ động cho các Sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng tinh gọn, tập trung vào việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

3. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KH&CN

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển KH&CN.

Tăng cường nhận thức của cán bộ và người dân về KH&CN nhằm đưa việc ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trở thành nhu cầu tự thân và phổ biến trong sản xuất và đời sống xã hội, trên tất cả các lĩnh vực. Chú trọng hoạt động nâng cao nhận thức của người dân về KH&CN thông qua các hình thức: phát động "Tuần lễ KH&CN", "Ngày sáng kiến", "Điểm thông tin KH&CN cấp xã". Định kỳ tổ chức biên soạn và công bố rộng rãi kỷ yếu KH&CN của địa phương.

4. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn để phát triển KH&CN

- Đề nghị tăng mức đầu tư của Trung ương cho Quảng Trị về kinh phí sự nghiệp khoa học và kinh phí hỗ trợ đầu tư cho các dự án xây dựng và phát triển các đơn vị KH&CN. Đảm bảo chi ngân sách cho KH&CN bao gồm vốn sự nghiệp khoa học và vốn đầu tư phát triển bằng chỉ tiêu ngân sách trung ương giao cho tỉnh.

- Tranh thủ vốn đầu tư của các chương trình, dự án KH&CN cấp nhà nước thông qua việc xây dựng các chương, trình, dự án khoa học và công nghệ trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

- Lồng ghép các chương trình, dự án KH&CN với các chương trình phát triển kinh tế của tỉnh. Trích một phần vốn từ kinh phí sự nghiệp của các sở, ngành và các chương trình phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng, an ninh cho hoạt động KH&CN phù hợp với từng lĩnh vực, từng ngành nghề.

- Khuyến khích mở rộng các dự án KH&CN có sự tham gia đóng góp của doanh nghiệp và người dân. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, đổi mới công nghệ và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ KH&CN, công nhân lành nghề của đơn vị mình. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tự thành lập quỹ phát triển KH&CN. Hướng đầu tư của nhà nước về KH&CN cho các doanh nghiệp mang tính hỗ trợ là chính.

- Hợp tác khoa học, kêu gọi đầu tư các dự án khoa học và công nghệ của các Bộ, ngành trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện, khuyến khích các Viện, trường trong nước và đồng trên trên địa bàn tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ KH&CN, đặc biệt trong việc đào tạo nguồn nhân lực KH&CN cho tỉnh.

- Đẩy mạnh hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh để hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp dưới nhiều hình thức khác nhau để đổi mới công nghệ và hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý sản xuất kinh doanh theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

5. Ứng dụng, nhân rộng và phát triển trên diện rộng các kết quả KH&CN

Ứng dụng, nhân rộng và phát triển trên diện rộng các kết quả KH&CN là nhiệm vụ quan trọng của hoạt động KH&CN của tỉnh trong thời gian tới.

Đầu tư kinh phí thích đáng cho phát triển khoa học và công nghệ, hỗ trợ khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới và phát triển công nghệ, hỗ trợ nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Hàng năm dành một phần kinh phí thoả đáng để nhân rộng các kết quả đề tài ứng dụng KH&CN được khẳng định.

Từ kết quả các đề tài được đánh giá, nghiệm thu, khuyến khích các tổ chức và cá nhân xây dựng thành các dự án có quy mô phù hợp, có địa chỉ ứng dụng cụ thể, hiệu quả kinh tế cao. Nhà nước sẽ hỗ trợ một phần kinh phí để chuyên giao và hoàn thiện công nghệ. Tùy theo tính chất, quy mô và giá trị thực tiễn của dự án, nhà nước sẽ hỗ trợ từ 10-30% kinh phí thực hiện.

Ưu tiên sử dụng Quỹ phát triển KH&CN, cơ chế khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp về KH&CN của nhà nước, của tỉnh để nhân rộng các tiến bộ KH&CN.

Hàng năm và 5 năm, các Sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở KH&CN, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đưa vào kế hoạch kinh tế-xã hội kế hoạch ứng dụng và nhân rộng các tiến bộ KH&CN, chú trọng các tiến bộ kỹ thuật có giá trị thực tiễn cao và xem đây là một trong những chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch kinh tế-xã hội của tỉnh, ngành và địa phương.

Đẩy mạnh phong trào thi đua ứng dụng khoa học và công nghệ. Tuyên truyền, phổ biến những tiến bộ khoa học và công nghệ, các kết quả đề tài ứng dụng KH&CN được khẳng định đến tận cơ sở và người sản xuất.

6. Phát triển thị trường công nghệ ở địa phương

Phát huy những chính sách do Trung ương ban hành về phát triển thị trường công nghệ. Tuyên truyền, triển khai tốt các chính sách do nhà nước ban hành trên địa bàn tỉnh; chủ động đề nghị Trung ương để Quảng Trị đảm nhận một số vai trò trong phát triển thị trường công nghệ của Vùng.

Tranh thủ các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ Quốc gia. Tổ chức chợ công nghệ và thiết bị với quy mô, tần suất 5 năm một lần. Xây dựng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ hoạt động trao đổi công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Phát triển các chủ thể tham gia thị trường công nghệ, nâng cao năng lực tham gia thị trường công nghệ của doanh nghiệp. Phát triển các dịch vụ môi giới, tư vấn, giám định, đánh giá công nghệ. Hình thành các tổ chức môi giới, tư vấn chuyên giao công nghệ. Xây dựng chợ ảo về công nghệ và thiết bị nhằm hỗ trợ cho việc mua bán công nghệ thương xuyên của doanh nghiệp. Thiết lập trang WEB chuyên về thông tin công nghệ, sản giao dịch ảo mua bán công nghệ.

Tăng cường phối hợp, hợp tác với bên ngoài nhằm mở rộng quan hệ thị trường công nghệ, phối hợp giữa cấp trung ương và cấp địa phương trong phát triển thị trường công nghệ.

7. Thúc đẩy phát triển các lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân

a) Về tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, tạo sự chuyên biến nhận thức sâu rộng hơn nữa về năng suất-chất lượng cho các doanh nghiệp, từ đó hình thành phong trào năng suất-chất lượng trong phạm vi toàn tỉnh.

Tạo lập phong trào chất lượng, văn hoá chất lượng trong các doanh nghiệp. Tổ chức cho các doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia. Nghiên cứu, triển khai nhiều hình thức động viên, thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao năng suất-chất lượng như hội chợ, triển lãm, câu lạc bộ, tháng/tuần lễ chất lượng... Mở rộng và tăng cường giới thiệu, tư vấn, đào tạo để phổ cập hệ thống chất lượng, các công cụ, phương pháp quản lý chất lượng tiên. Đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm hàng hoá của các doanh nghiệp. Đẩy mạnh việc xã hội hoá các hoạt động năng suất-chất lượng, huy động sự tham gia của các đoàn thể, hiệp hội, các hội, của mọi tổ chức và cá nhân vào hoạt động năng suất-chất lượng, lấy chất lượng làm chuẩn mực của mọi hoạt động của các doanh nghiệp, xây dựng nền văn hoá chất lượng trong các doanh nghiệp.

Đẩy mạnh hoạt động thừa nhận lẫn nhau kết quả thử nghiệm; tổ chức các hoạt động thông tin, hỏi đáp về chất lượng. Xây dựng và thực hiện các chương trình trọng điểm về nâng cao chất lượng.

Đổi mới cơ chế quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

Phát triển cơ sở hạ tầng tiêu chuẩn đo lường chất lượng tiên tiến, hiện đại, trang bị đầy đủ hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn Việt Nam; tăng cường các dịch vụ kiểm tra, thử nghiệm và hiệu chuẩn.

b) Về Sở hữu trí tuệ

Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về sở hữu công nghiệp, thông qua các hoạt động như: tổ chức tuyên truyền kiến thức về sở hữu công nghiệp cho doanh nghiệp trong các chuyên mục thường xuyên về sở hữu công nghiệp trên trang thông tin điện tử, tạp chí khoa học và công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ và Đài truyền hình; tổ chức các cuộc hội thảo, đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu công nghiệp cho các cán bộ quản lý sở hữu công nghiệp của các doanh nghiệp; tiến hành cung cấp các tài liệu về sở hữu công nghiệp cho doanh nghiệp.

Hỗ trợ doanh nghiệp tổ chức hoạt động sở hữu trí tuệ: hướng dẫn xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động về sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp (bao gồm tổ chức, nhân lực, đầu tư, các hoạt động cần thiết để xây dựng, xác lập, khai thác và bảo vệ thương hiệu của mình); thiết lập và vận hành cơ chế thường trực hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký sở hữu trí tuệ thông qua trang thông tin điện tử và Phòng Sở hữu trí tuệ của Sở Khoa học và Công nghệ; hỗ trợ hoạt động quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

Hỗ trợ các doanh nghiệp xác lập và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp: các doanh nghiệp trên địa bàn sẽ được tính xem xét hỗ trợ kinh phí sau khi được cấp văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp (kinh phí hỗ trợ được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm của tỉnh và từ Chương trình Hỗ trợ phát triển tài

sản trí tuệ của doanh nghiệp của Trung ương); hỗ trợ đăng ký bảo hộ một số đối tượng đặc thù là chỉ dẫn địa lý, tên gọi xuất xứ hàng hoá, nhãn hiệu tập thể (được hỗ trợ 100% chi phí xác lập quyền sở hữu công nghiệp); đối với các dự án về sở hữu trí tuệ đăng ký theo Chương trình Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp của Trung ương, tỉnh có kế hoạch bố trí vốn đối ứng của địa phương nếu được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

c) Về an toàn bức xạ hạt nhân

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về an toàn và kiểm soát bức xạ.

Xây dựng các chính sách, giải pháp, chương trình nhằm đảm bảo an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh.

8. Mở rộng quan hệ liên kết, hợp tác KH&CN với bên ngoài

Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác KH&CN với bên ngoài nhằm tranh thủ thu hút các nguồn lực trong nước và quốc tế để phát triển KH&CN Quảng Trị, học hỏi những kinh nghiệm có ích và từng bước mở rộng sự tham gia của KH&CN Quảng Trị vào giải quyết các vấn đề chung. Thực hiện các biện pháp cụ thể như:

- Tham gia tích cực vào các nhiệm vụ KH&CN của quốc gia, tạo điều kiện thu hút các hoạt động KH&CN của các cơ quan trung ương về địa bàn Quảng Trị.

- Tăng cường liên kết với các địa phương khác trong hoạt động KH&CN thông qua chương trình liên kết về nghiên cứu, phối hợp tổ chức chợ thiết bị công nghệ, ...

- Đề xuất sáng kiến hình thành các chương trình liên kết KH&CN theo hành lang kinh tế Đông - Tây. Chủ động và tích cực tham gia vào xây dựng thể chế liên kết KH&CN trong Vùng.

- Bên cạnh mở rộng các quan hệ KH&CN cấp tỉnh (như ký kết giữa Sở KH&CN Quảng Trị với các Sở KH&CN của các tỉnh khác), khuyến khích các ngành, địa phương trong tỉnh chủ động mở rộng các mối quan hệ với bên ngoài bằng nhiều hình thức khác nhau ...

- Sở Khoa học và Công nghệ làm đầu mối duy trì và đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các tổ chức KH&CN bên ngoài; xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá tình hình thực hiện hàng năm.

Mở rộng hợp tác với bên ngoài của KH&CN hướng vào phục vụ và khai thác các quan hệ kinh tế đối ngoại. Chú trọng các quan hệ hợp tác KH&CN với Lào và Thái Lan.

9. Các chương trình, dự án và chính sách ưu tiên nghiên cứu, đầu tư đến năm 2020. (Có danh mục kèm theo).

B. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện và phối hợp với các Sở, ban ngành; các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức KH&CN thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của BCH Đảng bộ tỉnh Khoá XV thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) số 20-NQ/TW

ngày 01/11/2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế số 64-CTHD/TU ngày 13/5/2013.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành; thị xã, thành phố xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển KH&CN của địa phương trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Thực hiện Chiến lược, Nghị quyết; quy hoạch, kế hoạch phát triển KH&CN của Bộ Khoa học và Công nghệ và tỉnh Quảng Trị.

- Chủ trì, phối hợp với một số Sở, ban ngành và địa phương trong tỉnh thực hiện các chương trình, dự án phát triển KH&CN cấp tỉnh và cấp ngành, địa phương của tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.

- Thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế và hợp tác với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác về lĩnh vực KH&CN.

- Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển KH&CN phù hợp với đặc thù địa phương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch hàng năm và dài hạn để thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phát triển KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đạt hiệu quả.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở KH&CN và các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai "Dự án phát triển nhân lực khoa học và công nghệ" nhằm từng bước xây dựng đội ngũ nhân lực KH&CN có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực cho phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Phối hợp cùng với Sở KH&CN, các Sở, ban ngành xây dựng các cơ chế, chính sách đào tạo, tuyển dụng và sử dụng cũng như thu hút và trọng dụng chất xám, đội ngũ tri thức, nhân lực KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, các quy định: "Quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn và biên chế quản lý KH&CN của các phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng ở các huyện, thị xã, thành phố", "Quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và biên chế quản lý KH&CN của các Sở, ngành thuộc tỉnh".

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Đề xuất với UBND tỉnh các cơ chế, chính sách đầu tư và khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng các tiến bộ KH&CN, ứng dụng công nghệ cao. Đề xuất với UBND tỉnh chính sách đầu tư xây dựng và phát triển một số tổ chức KH&CN nông nghiệp của tỉnh (Trạm, trại nghiên cứu ứng dụng; kiểm tra, kiểm nghiệm; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn).

- Đề xuất với UBND tỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ hoạt động KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện "Chương trình KH&CN phục vụ phát triển Nông-Lâm-Ngư nghiệp", "Dự án xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao", "Chính sách khuyến khích và hỗ trợ hoạt động chuyên gia công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh".

- Định kỳ báo cáo UBND tỉnh thông qua Sở KH&CN về tình hình ứng dụng các tiến bộ KH&CN, công nghệ cao trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp và các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

5. Sở Công Thương

- Phối hợp với Sở KH&CN và các sở/ban ngành khác xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KH&CN, thành lập quỹ phát triển KH&CN và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện "Chương trình KH&CN phục vụ phát triển các ngành công nghiệp và thương mại".

- Định kỳ báo cáo UBND tỉnh thông qua Sở KH&CN về hiện trạng công nghệ, tình hình ứng dụng công nghệ, đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở KH&CN và các Sở, ban ngành khác xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động KH&CN giải quyết các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.

- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện "Chương trình điều tra cơ bản nhằm cung cấp các luận cứ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường", "Chương trình nghiên cứu và nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và những tác động đến phát triển kinh tế, xã hội của Quảng Trị"..

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện "Chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn".

8. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở KH&CN và các Sở, ban ngành khác xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động KH&CN giải quyết các vấn đề liên quan đến ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn.

- Phối hợp với Sở KH&CN và các Sở, ban ngành khác thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và đưa công nghệ thông tin vào ứng dụng trong các chương trình phát triển KH&CN.

9. Sở Y tế

- Nghiên cứu, đề xuất các phương pháp phòng chống dịch bệnh, các phác đồ điều trị phù hợp với tình hình địa phương.

- Nghiên cứu, đề xuất các phương pháp án bảo tồn các cây dược liệu quý, các bài thuốc dân gian và phương pháp chữa bệnh truyền thống.

- Phối hợp thực hiện việc ứng dụng, triển khai các công nghệ mới vào xử lý triệt để chất thải, rác thải, nước thải y tế của các bệnh viện và các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Nghiên cứu, đề xuất triển khai các công nghệ mới trong quản lý giáo dục, công tác giảng dạy cũng như các phương pháp dạy học mới, dạy học từ xa.
- Phối hợp với Sở KH&CN và Sở Công thương nghiên cứu đề xuất các mô hình liên kết giáo dục-đào tạo với KH&CN và sản xuất kinh doanh, tăng cường liên kết với hai khu vực này.

11. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Phối hợp nghiên cứu, đề xuất các chính sách phát triển nguồn nhân lực (ngành nghề, cơ cấu trình độ,...).
- Phối hợp thực hiện “Chương trình phát triển nguồn nhân lực KH&CN tỉnh Quảng Trị”.

12. Các Sở Xây dựng và Giao thông vận tải

- Định hướng cho các đơn vị trong lĩnh vực thiết kế, quy hoạch, xây dựng dân dụng và công nghiệp, cấp thoát nước, xây dựng các công trình giao thông vận tải, công trình thủy lợi ứng dụng tiến bộ KH&CN, các công nghệ tiên tiến trong sản xuất kinh doanh.

- Định hướng cho các đơn vị ứng dụng các công nghệ mới trong quản lý, điều hành giao thông, ứng dụng các công nghệ mới trong các phương tiện giao thông, nhất là các phương tiện giao thông vùng cao.

- Xây dựng và hình thành một số nhiệm vụ KH&CN (liên quan đến vật liệu tiên tiến, công nghệ cao,...) phục vụ phát triển ngành giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến 2030.

13. UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển KH&CN cấp huyện phù hợp với đặc thù của mỗi huyện, thị xã, thành phố; lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội hàng năm của địa phương. Phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan triển khai hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách phát triển khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Cường

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, CHÍNH SÁCH
ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU, ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 4583/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến vốn thực hiện (tỷ đồng)			Ghi chú
					Tổng số	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	
I	Các chương trình KH&CN							
1.1	Chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch - Đầu tư; Sở Lao động - TBXH; Sở Giáo dục và Đào tạo; Cục thống kê; các Ban của Đảng.	2011-2020	10	04	06	
1.2	Chương trình điều tra cơ bản nhằm cung cấp các luận cứ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở KH&CN; Cục thống kê; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban Quản lý Khu kinh tế.	2011-2020	22	10	12	
1.3	Chương trình phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Y tế; Sở Công Thương; UBND các thành phố, huyện, thị xã, thành phố	2011-2020	40	20	20	
1.4	Chương trình KH&CN phục vụ phát triển Nông-Lâm-Ngư nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở KH&CN; Sở Công Thương; UBND thành phố, huyện, thị xã, thành phố	2011-2020	23	10	13	
1.5	*Chương trình KH&CN phục vụ phát triển các ngành công nghiệp và thương mại	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin - Truyền thông; UBND thành phố, huyện, thị xã, thành phố	2011-2020	22	10	12	

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến vốn thực hiện (tỷ đồng)			Ghi chú
					Tổng số	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	
1.6	Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng của các doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở TT&TT, Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thành phố, thị xã, hiệp hội ngành nghề.	2011-2020	16	07	09	
1.7	Chương trình phát triển quan hệ hợp tác về KH&CN với các địa phương trong nước và quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ của các Tỉnh Savanakhet và Salavan - Lào; các tỉnh vùng Đông bắc Thái Lan; các Sở của Quảng Trị; UBND thành phố, huyện, thị	2011-2020	17	07	10	
1.8	Chương trình nghiên cứu và nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và những tác động đến phát triển kinh tế, xã hội của Quảng Trị	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở KH&CN; Sở KH&ĐT; Sở VH,TT&DL; Sở NN&PTNT; Sở GTVT; Sở Công Thương; UBND các thành phố, thị xã, huyện; các cơ quan nghiên cứu có liên quan trong nước	2011-2020	13	07	06	
2	Các dự án tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ							
A	Giai đoạn 2010-2015							
2.1	Dự án phát triển nhân lực KH&CN	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo	2011-2015	10	10		
2.2	Dự án tăng cường năng lực thông tin KH&CN của Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và Truyền thông	2011-2015	10	10		

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến vốn thực hiện (tỷ đồng)			Ghi chú
					Tổng số	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	
2.3	Dự án xây dựng Trung tâm phát triển công nghệ sinh học	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở TN&MT	2011-2015	37	37		UBND tỉnh đã phê duyệt, nhưng chưa bố trí vốn để khởi công
2.4	Dự án xây dựng Trung tâm kiểm tra chất lượng hàng hóa tại Khu Kinh tế- Thương mại đặc biệt Lao Bảo	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu KT-TM Lao Bảo, Cục Hải Quan Quảng Trị, các đơn vị chức năng của Bộ KH&CN	2009-2015	47	47		UBND tỉnh đã phê duyệt, hoàn thành giai đoạn 1
2.5	Dự án xây dựng Trung tâm Đào tạo và chuyên gia KH&CN Vùng Bắc Trung bộ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ; Các đơn vị chức năng của Bộ KH&CN; Sở KH&ĐT	2011-2015	50	50		
b. Giai đoạn 2016-2020								
2.6	Dự án xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở KH&CN; Sở Kế hoạch và DT; Sở Tài nguyên và MT; UBND phố, huyện, thị có khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đóng trên địa bàn	2016-2020	150		150	
2.7	Dự án xây dựng Trung tâm Ứng dụng và phát triển năng lượng mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi Trường; Điện lực Quảng Trị	2016-2020	25	25		

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến vốn thực hiện (tỷ đồng)			Ghi chú
					Tổng số	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	
3	Các chính sách							
A	<i>Chính sách về quản lý nhà nước KH&CN</i>							
3.1	Quy chế phối hợp liên ngành về hoạt động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trên địa bàn	Sở Khoa học và Công nghệ	Liên đoàn Lao động tỉnh và Hội Doanh nghiệp	2011-2015				
3.2	Quy định về quản lý hoạt động công nghệ và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì	Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2011-2015				
3.3	Quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn và biên chế quản lý KH&CN của các phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng cấp huyện.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2011-2015				
3.4	Quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và biên chế quản lý KH&CN của các sở, ngành thuộc tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	2011-2015				
3.5	Quy chế một cửa kiểm tra hàng hóa xuất - nhập khẩu tại Khu Thương mại Lao Bảo Quảng Trị	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương	2011-2015				

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến vốn thực hiện (tỷ đồng)			Chi chú
					Tổng số	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	
B	Chính sách về khuyến khích hoạt động KH&CN							
3.6	Chính sách hỗ trợ các ngành, địa phương, các đơn vị phát triển các quan hệ KH&CN với bên ngoài	Sở Khoa học và Công nghệ	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ	2011-2015				
3.7	Quy chế về giải thưởng KH&CN tỉnh Quảng Trị cho những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển KH&CN của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị, Sở Nội vụ xây dựng	2011-2015				
3.8	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ hoạt động chuyên giao công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư ---	2011-2015				
3.9	Chính sách hỗ trợ DN đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, tham gia có hiệu quả vào quá trình hội nhập	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội doanh nghiệp tỉnh	2011-2015				